

**TỔNG CÔNG TY MÁY VÀ THIẾT BỊ CÔNG NGHIỆP
CÔNG TY MẸ**

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP
ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2016

Hà Nội, tháng 04 năm 2017

**TỔNG CÔNG TY MÁY VÀ THIẾT BỊ CÔNG NGHIỆP
CÔNG TY MẸ**

Địa chỉ: Số 7A Mạc Thị Bưởi – Hà Nội

Điện thoại: (84-4) 38 252 498 Fax: (84-4) 38 261 129

MỤC LỤC

STT	Nội dung	Trang
1	Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	2 - 3
2	Báo cáo của Kiểm toán viên	4 - 5
3	Báo cáo tài chính tổng hợp đã được kiểm toán	
	<i>Bảng cân đối kế toán tổng hợp</i>	6 - 7
	<i>Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp</i>	8
	<i>Báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp</i>	9
	<i>Thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp</i>	10 - 30

**TỔNG CÔNG TY MÁY VÀ THIẾT BỊ CÔNG NGHIỆP
CÔNG TY MẸ**

Địa chỉ: Số 7A Mạc Thị Bưởi – Hai Bà Trưng - Hà Nội

Điện thoại: (84-4) 38 252 498 Fax: (84-4) 38 261 129

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty Máy và Thiết bị Công nghiệp (sau đây được viết tắt là “Tổng Công ty”) trình bày Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc cùng với Báo cáo tài chính tổng hợp đã được kiểm toán của Tổng Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016.

Khái quát chung về Công ty

Tổng Công ty Máy và Thiết bị công nghiệp (MIE) là Tổng Công ty Nhà nước, được thành lập theo quyết định số 155/HĐBT ngày 12/5/1990 của Hội đồng Bộ trưởng (nay là Chính phủ) và được thành lập lại theo Quyết định số 1117/QĐ/TCCBĐT ngày 27/10/1995 của Bộ trưởng Bộ Công nghiệp nặng (nay là Bộ Công thương). Tổng Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh công ty Nhà nước số 0106000827 ngày 08/02/1996 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Hà Nội cấp, đăng ký lại lần thứ nhất ngày 02/01/2008 và đăng ký thay đổi lần thứ 9 ngày 22/4/2008.

Ngày 15 tháng 06 năm 2010, Bộ Công thương ban hành Quyết định số 3168 /QĐ-BCT về việc chuyển Tổng Công ty Máy và Thiết bị công nghiệp sang hoạt động theo hình thức công ty mẹ - công ty con. Ngày 31 tháng 08 năm 2010, Tổng Công ty đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên với Mã số doanh nghiệp 0100101379 Giấy đăng ký kinh doanh sửa đổi lần đầu ngày 26 tháng 10 năm 2010, sửa đổi lần thứ 2 ngày 13 tháng 10 năm 2011, sửa đổi lần thứ 3 ngày 30 tháng 01 năm 2012 và sửa đổi lần thứ 4 ngày 10 tháng 07 năm 2013 và sửa đổi lần thứ 5 ngày 14 tháng 05 năm 2014.

Vốn Điều lệ của Tổng Công ty: 516.847.000.000 VND (*Năm trăm mười sáu tỷ tám trăm bốn mươi bảy triệu đồng*). Ngày 16 tháng 11 năm 2015, Bộ Công thương ban hành Quyết định số 12494/QĐ-BCT về việc xác định giá trị Tổng Công ty Máy và Thiết bị công nghiệp thuộc Bộ Công thương để cổ phần hóa. Theo đó, giá trị thực tế của Tổng Công ty tại ngày 01/10/2014 là 1.643.744.120.130 đồng và giá trị thực tế phần vốn Nhà nước tại ngày 01/10/2014 là 1.419.914.515.000 đồng.

Trụ sở chính Tổng Công ty đặt tại số 7A phố Mạc Thị Bưởi, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội.

Lĩnh vực hoạt động

Tổng Công ty chủ yếu hoạt động trong lĩnh vực sản xuất chế tạo sản phẩm cơ khí (thiết bị toàn bộ, thiết bị lẻ, kim khí tiêu dùng, chi tiết cụm, chi tiết phụ tùng); Đầu tư, xây dựng, chế tạo, lắp đặt, vận hành và chuyển giao các nhà máy nhiệt điện, thủy điện độc lập; Xây lắp các công trình công nghiệp và dân dụng, công trình giao thông đường bộ, công trình thủy lợi, các công trình hạ tầng đô thị; Tư vấn đầu tư và dịch vụ kỹ thuật công nghệ, công nghiệp; Kinh doanh thương mại...

Hội đồng thành viên và Ban Tổng Giám đốc điều hành Công ty đến thời điểm lập Báo cáo tài chính

Hội đồng thành viên

Ông Trần Quốc Toàn	Chủ tịch Hội đồng thành viên	Bổ nhiệm ngày 09/03/2016
--------------------	------------------------------	--------------------------

Ban Tổng Giám đốc

Ông Nguyễn Khắc Hải	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 09/03/2016
---------------------	---------------	--------------------------

Ông Phạm Thành Đông	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 16/10/2013
---------------------	-------------------	--------------------------

**TỔNG CÔNG TY MÁY VÀ THIẾT BỊ CÔNG NGHIỆP
CÔNG TY MẸ**

Địa chỉ: Số 7A Mạc Thị Bưởi – Hai Bà Trưng - Hà Nội
Điện thoại: (84-4) 38 252 498 Fax: (84-4) 38 261 129

Kết quả hoạt động kinh doanh

Tình hình tài chính tại ngày 31/12/2016, kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho năm tài chính kết thúc cùng ngày được trình bày trong Báo cáo tài chính tổng hợp đã được kiểm toán kèm theo Báo cáo này.

Các sự kiện phát sinh sau ngày khoá sổ kế toán lập Báo cáo tài chính

Ngày 20 tháng 01 năm 2017, Tổng Công ty đã được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần bởi Sở kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp. Tổng Công ty sẽ hoạt động dưới hình thức Công ty cổ phần với mức Vốn Điều lệ là 1.419.915.000.000 đồng bắt đầu từ ngày 20/01/2017.

Kiểm toán viên

Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM- Thành viên của hãng kiểm toán Quốc tế Moore Stephens.

Trách nhiệm và cam kết của Ban Tổng Giám đốc đối với Báo cáo tài chính

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp một cách trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty giai đoạn hoạt động từ ngày 01/01/2016 đến 31/12/2016. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá, dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Lập và trình bày Báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành;
- Lập báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp có sự kiện bất thường xảy ra buộc Công ty không thể tiếp tục hoạt động.

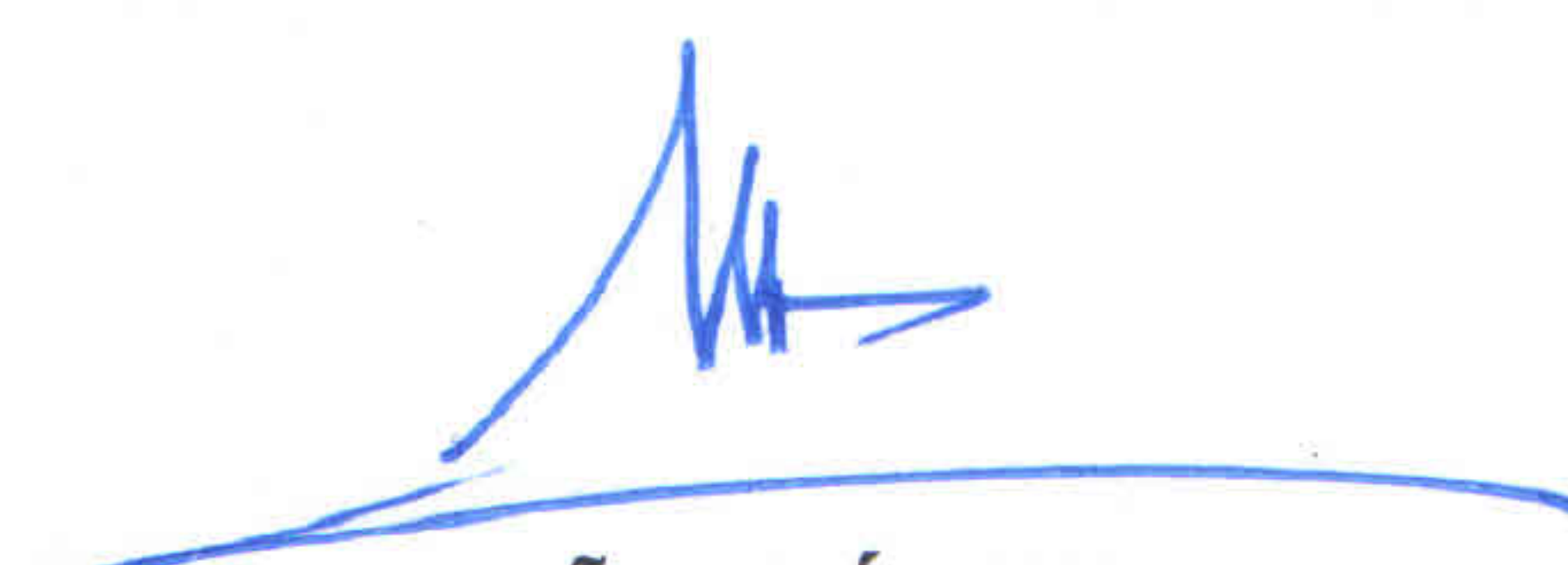
Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán (doanh nghiệp) Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Hà Nội, ngày 27 tháng 02 năm 2017

TM. Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty

Tổng Giám đốc 


Nguyễn Khắc Hải

Số: 470/2017/BCKT-BCTC/CPA VIETNAM

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi:**HỘI ĐỒNG THÀNH VIÊN****BAN TỔNG GIÁM ĐỐC****TỔNG CÔNG TY MÁY VÀ THIẾT BỊ CÔNG NGHIỆP**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo của Tổng Công ty Máy và Thiết bị Công nghiệp, được lập ngày 27/02/2017, từ trang 6 đến trang 30, bao gồm Bảng cân đối kế toán tổng hợp tại ngày 31/12/2016, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Như đã trình bày trong Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc từ trang 2 đến trang 3, Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp một cách trung thực, hợp lý theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá rủi ro này, Kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Chúng tôi đã phát hành Báo cáo kiểm toán của Văn phòng Tổng Công ty Máy và Thiết bị công nghiệp, Công ty Xây lắp Công nghiệp, Công ty Tư vấn Dịch vụ Kỹ thuật Công nghiệp (ISC) và Chi nhánh Tổng Công ty Máy và Thiết bị Công nghiệp cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2016. Do đó, ý kiến kiểm toán về Báo cáo tài chính tổng hợp được đính kèm theo đây bị ảnh hưởng bởi giới hạn kiểm toán và ý kiến kiểm toán đối với Báo cáo tài chính của Văn phòng Tổng Công ty Máy và Thiết bị công nghiệp, Công ty Xây lắp Công nghiệp, Công ty Tư vấn Dịch vụ Kỹ thuật Công nghiệp (ISC) và Chi nhánh Tổng Công ty Máy và Thiết bị Công nghiệp cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2016.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (tiếp theo)**Ý kiến kiểm toán ngoại trừ**

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của vấn đề nêu tại đoạn “Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ”, Báo cáo tài chính tổng hợp đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Tổng Công ty tại ngày 31/12/2016, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán (doanh nghiệp) Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp.



Nguyễn Tài Dũng
Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề số: 0133-2015-137-1

Thay mặt và đại diện cho

Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM

Hà Nội, ngày 28 tháng 04 năm 2017

Đỗ Thị Thu Hường
Kiểm toán viên

*Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề số:
1417-2015-137-1*

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

MẪU SỐ B 01-DN

Đơn vị: VNĐ

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2016	01/01/2016
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		381.065.542.647	339.213.560.891
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.01	17.433.206.477	30.185.885.083
1. Tiền	111		7.433.206.477	3.485.885.083
2. Các khoản tương đương tiền	112		10.000.000.000	26.700.000.000
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	V.02	42.000.000.000	2.500.000.000
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		42.000.000.000	2.500.000.000
III. Các khoản phải thu	130		251.221.272.223	216.460.111.184
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.03	210.065.372.990	146.868.752.524
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		16.965.472.439	26.900.899.956
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133	V.04	637.500.000	21.135.147.557
4. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	V.05	2.500.000.000	-
5. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.06	21.075.520.222	21.547.364.590
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		(22.593.428)	(22.593.428)
7. Tài sản thiếu chờ xử lý	138	V.07		30.539.985
IV. Hàng tồn kho	140	V.08	68.515.161.172	87.929.127.241
1. Hàng tồn kho	141		70.346.232.559	89.760.198.628
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(1.831.071.387)	(1.831.071.387)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		1.895.902.775	2.138.437.383
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		1.895.902.775	2.066.687.093
3. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	153	V.13		71.750.290
B. TÀI SẢN DÀI HẠN			321.065.631.793	334.752.946.698
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		20.000.000	
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		20.000.000	
II. Tài sản cố định	220		37.622.823.268	37.982.813.114
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.09	37.526.371.656	37.982.813.114
- Nguyên giá	222		44.642.161.135	44.082.062.952
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(7.115.789.479)	(6.099.249.838)
2. Tài sản cố định vô hình	227	V.10	96.451.612	
- Nguyên giá	228		100.000.000	
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(3.548.388)	
V. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	V.02	282.806.328.632	296.553.956.008
1. Đầu tư vào công ty con	251		264.713.806.632	267.033.986.350
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		1.800.000.000	1.800.000.000
3. Đầu tư dài hạn khác	258		30.080.001.658	32.319.969.658
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259		(13.787.479.658)	(4.600.000.000)
VI. Tài sản dài hạn khác	260		616.479.893	216.177.576
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.11	616.479.893	216.177.576
TỔNG CỘNG TÀI SẢN			702.131.174.440	673.966.507.589

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)

MẪU SỐ B 01-DN

Đơn vị: VNĐ

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2016	01/01/2016
A. NỢ PHẢI TRẢ	300		192.479.867.340	163.390.991.816
I. Nợ ngắn hạn	310		192.479.867.340	163.390.991.816
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.12	66.417.787.525	67.235.725.157
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		77.353.577.597	46.344.842.956
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.13	958.841.541	7.050.927.683
4. Phải trả người lao động	314		4.038.289.784	1.737.240.579
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.14	4.311.010.372	3.914.236.501
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	V.15	653.181.818	229.090.909
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.16	20.608.210.405	23.992.599.338
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.17	12.685.223.677	8.309.205.147
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		1.869.999.417	1.598.601.569
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		3.583.745.204	2.978.521.977
II. Nợ dài hạn	330			
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		509.651.307.100	510.575.515.773
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.18	509.651.307.100	510.575.515.773
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		490.166.921.426	492.487.101.144
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		12.940.686.245	11.858.800.454
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		3.934.746.732	4.008.025.973
11. Lợi nhuận chưa phân phối	421		849.201.582	461.837.087
12. Nguồn vốn đầu tư XDCB	422		1.759.751.115	1.759.751.115
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác			-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN			702.131.174.440	673.966.507.589

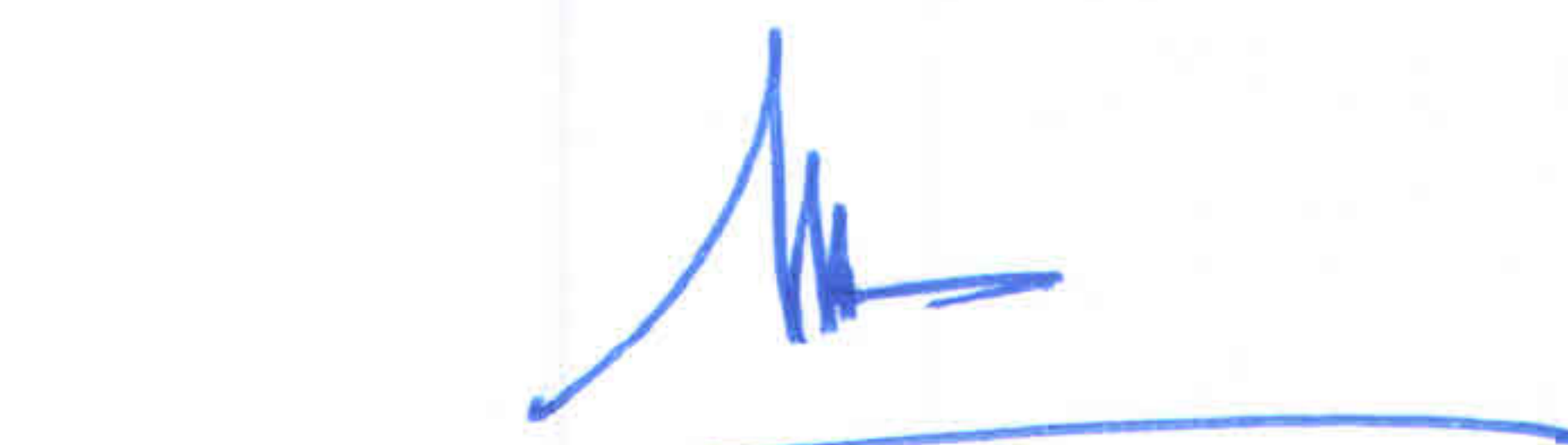
Hà Nội, ngày 27 tháng 02 năm 2017

Kế toán trưởng



Trần Thị Thu Trang

Tổng Giám đốc



Nguyễn Khắc Hải

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP
Năm 2016

MẪU SỐ B 02-DN
Đơn vị tính: VNĐ

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.01	362.895.936.235	515.474.108.325
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. (10= 01-02)	10		362.895.936.235	515.474.108.325
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.02	331.059.028.843	484.856.183.382
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=	20		31.836.907.392	30.617.924.943
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.03	3.020.796.952	4.388.238.159
7. Chi phí tài chính	22	VI.04	9.851.509.858	2.429.799.664
- Trong đó: Chi phí lãi vay			497.799.309	1.354.650.708
8. Chi phí bán hàng	24		-	7.012.458
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		23.202.078.515	28.881.741.624
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh				
10. {30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26)}	30		1.804.115.971	3.687.609.356
11. Thu nhập khác	31	VI.05	2.598.825.077	493.042.773
12. Chi phí khác	32	VI.06	223.954.997	1.552.964.332
13. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		2.374.870.080	(1.059.921.559)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		4.178.986.051	2.627.687.797
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	VI.07	689.083.346	735.516.960
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50 -	60		3.489.902.705	1.892.170.837

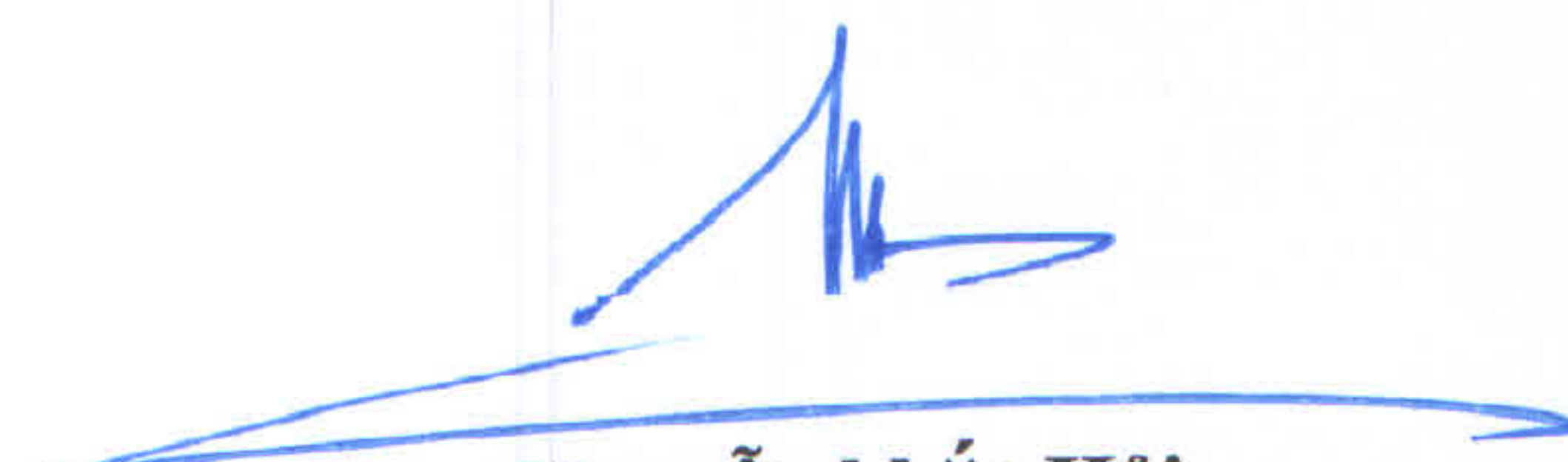
Hà Nội, ngày 27 tháng 02 năm 2017

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc



Trần Thị Thu Trang



Nguyễn Khắc Hải

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp trực tiếp)
Năm 2016

MẪU SỐ B 03-DN
Đơn vị tính: VNĐ

Chỉ tiêu	Mã số	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1 Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01	336.349.185.889	448.613.321.358
2 Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02	(310.751.719.626)	(375.006.007.881)
3 Tiền chi trả cho người lao động	03	(13.999.080.293)	(12.870.841.305)
4 Tiền chi trả lãi vay	04	(123.854.830)	(1.018.546.541)
5 Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	05	(171.625.643)	(1.300.513.134)
6 Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06	33.933.049.372	31.098.296.268
7 Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07	(44.383.935.108)	(90.600.157.955)
Lưu chuyển thuần từ hoạt động kinh doanh	20	852.019.761	(1.084.449.190)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1 Tiền chi để mua sắm TSCĐ và tài sản dài hạn khác	21		(331.100.070)
2 Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TS dài hạn	22	2.227.000.000	
3 Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(100.700.000.000)	
4 Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị	24	59.200.000.000	
6 Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		18.640.000.000
7 Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	21.490.067.510	1.619.945.066
Lưu chuyển thuần từ hoạt động đầu tư	30	(17.782.932.490)	19.928.844.996
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
3 Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	31.605.199.525	122.365.019.470
4 Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(27.445.444.033)	(129.384.367.131)
Lưu chuyển thuần từ hoạt động tài chính	40	4.159.755.492	(7.019.347.661)
Lưu chuyển thuần trong kỳ	50	(12.771.157.237)	11.825.048.145
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	30.185.885.083	18.360.836.938
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá	61	18.478.631	
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	17.433.206.477	30.185.885.083

Hà Nội, ngày 27 tháng 02 năm 2017

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc



Trần Thị Thu Trang



Nguyễn Khắc Hải

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1. Hình thức sở hữu vốn

Tổng Công ty Máy và Thiết bị công nghiệp (MIE) là Tổng Công ty Nhà nước, được thành lập theo quyết định số 155/HĐBT ngày 12/5/1990 của Hội đồng Bộ trưởng (nay là Chính phủ) và được thành lập lại theo Quyết định số 1117/QĐ/TCCBĐT ngày 27/10/1995 của Bộ trưởng Bộ Công nghiệp nặng (nay là Bộ Công thương). Tổng Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh công ty Nhà nước số 0106000827 ngày 08/02/1996 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Hà Nội cấp, đăng ký lại lần thứ nhất ngày 02/01/2008 và đăng ký thay đổi lần thứ 9 ngày 22/4/2008. Ngày 15 tháng 06 năm 2010, Bộ Công thương ban hành Quyết định số 3168/QĐ-BCT về việc chuyển Tổng Công ty Máy và Thiết bị công nghiệp sang hoạt động theo hình thức công ty mẹ - công ty con. Ngày 31 tháng 08 năm 2010, Tổng Công ty đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên với Mã số doanh nghiệp 0100101379 Giấy đăng ký kinh doanh sửa đổi lần đầu ngày 26 tháng 10 năm 2010, sửa đổi lần thứ 2 ngày 13 tháng 10 năm 2011, sửa đổi lần thứ 3 ngày 30 tháng 01 năm 2012 và sửa đổi lần thứ 4 ngày 10 tháng 07 năm 2013 và sửa đổi lần thứ 5 ngày 14 tháng 05 năm 2014.

Vốn Điều lệ của Tổng Công ty: 516.847.000.000 VND (Năm trăm mười sáu tỷ tám trăm bốn mươi bảy triệu đồng).

Ngày 16 tháng 11 năm 2015, Bộ Công thương ban hành Quyết định số 12494/QĐ-BCT về việc xác định giá trị Tổng Công ty Máy và Thiết bị công nghiệp thuộc Bộ Công thương để cổ phần hóa. Theo đó, giá trị thực tế của Tổng Công ty tại ngày 01/10/2014 là 1.643.744.120.130 đồng và giá trị thực tế phần vốn Nhà nước tại ngày 01/10/2014 là 1.419.914.515.000 đồng.

Trụ sở chính Tổng Công ty đặt tại số 7A phố Mạc Thị Bưởi, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội.

2. Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Tổng Công ty chủ yếu hoạt động trong lĩnh vực sản xuất chế tạo sản phẩm cơ khí (thiết bị toàn bộ, thiết bị lẻ, kim khí tiêu dùng, chi tiết cụm, chi tiết phụ tùng); Đầu tư, xây dựng, chế tạo, lắp đặt, vận hành và chuyển giao các nhà máy nhiệt điện, thủy điện độc lập; Xây lắp các công trình công nghiệp và dân dụng, công trình giao thông đường bộ, công trình thủy lợi, các công trình hạ tầng đô thị; Tư vấn đầu tư và dịch vụ kỹ thuật công nghệ, công nghiệp; Kinh doanh thương mại...

3. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

II. NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN VÀ ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Niên độ kế toán

Niên độ kế toán của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán và lập Báo cáo tài chính là đồng Việt Nam (ký hiệu "VND").

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Ngày 22 tháng 12 năm 2014, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 200/2014/TT-BTC (“Thông tư 200”) hướng dẫn chế độ kế toán cho doanh nghiệp. Thông tư này có hiệu lực cho năm tài chính bắt đầu vào hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2015. Thông tư 200 thay thế cho các quy định về chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính. Ban Tổng Giám đốc đã áp dụng Thông tư 200 trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán Việt Nam

Công ty đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành trong việc lập Báo cáo tài chính.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Nguyên tắc và phương pháp chuyển đổi các đồng tiền khác

Nguyên tắc xác định tiền: Là toàn bộ số tiền mặt và tiền gửi ngân hàng hiện có của Công ty tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.

Nguyên tắc và phương pháp chuyển đổi các đồng tiền khác: Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty (VND) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch đối với ngân hàng thương mại. Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được ghi nhận vào Kết quả Hoạt động Kinh doanh của kỳ hoạt động theo quy định tại Thông tư 179/2012/TT-BTC do Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành ngày 24 tháng 10 năm 2012 “Quy định về ghi nhận, đánh giá, xử lý các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái trong Doanh nghiệp”.

2. Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Nguyên tắc ghi nhận: Các khoản phải thu khách hàng, trả trước cho người bán và các khoản phải thu khác được trình bày trên báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ cùng với dự phòng được lập cho các khoản nợ phải thu được xác định là khó đòi.

Lập dự phòng phải thu khó đòi: Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập theo quy định tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, giảm giá chứng khoán đầu tư, nợ khó đòi tại doanh nghiệp và Thông tư 89/2013/TT-BTC ngày 28 tháng 06 năm 2013 sửa đổi, bổ sung Thông tư 228/2009/TT-BTC.

3. Chính sách kế toán đối với hàng tồn kho

Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho: Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm: chi phí mua, chi phí chế biến và chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Những chi phí không được tính vào giá gốc của hàng tồn kho:

- Các khoản chiết khấu thương mại và giảm giá hàng mua do hàng mua không đúng quy cách, phẩm chất.
- Chi phí nguyên vật liệu, chi phí nhân công và các chi phí sản xuất, kinh doanh khác phát sinh trên mức bình thường.
- Chi phí bảo quản hàng tồn kho cần thiết cho quá trình sản xuất tiếp theo và chi phí bảo quản hàng tồn kho phát sinh trong quá trình mua hàng.
- Chi phí bán hàng.
- Chi phí quản lý doanh nghiệp.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Phương pháp xác định giá trị hàng tồn kho: Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền và thực tế đích danh.

Phương pháp hạch toán hàng tồn kho: Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

4. Ghi nhận và khấu hao Tài sản cố định (TSCĐ)

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hình thành do mua sắm bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Đối với tài sản cố định hình thành do đầu tư xây dựng cơ bản theo phương thức giao thầu hoặc tự xây dựng và sản xuất, nguyên giá là giá quyết toán công trình xây dựng theo quy chế quản lý đầu tư và xây dựng hiện hành, các chi phí khác có liên quan trực tiếp và lệ phí trước bạ (nếu có). Trường hợp dự án đã hoàn thành và đưa vào sử dụng nhưng quyết toán chưa được phê duyệt, nguyên giá tài sản cố định được ghi nhận theo giá tạm tính trên cơ sở chi phí thực tế đã bỏ ra để có được tài sản cố định. Nguyên giá tạm tính sẽ được điều chỉnh theo giá quyết toán được các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính phù hợp với Thông tư 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 04 năm 2013.

Các tài sản cố định hữu hình được đánh giá lại khi có quyết định của Nhà nước hoặc cổ phần hóa doanh nghiệp Nhà nước. Nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được điều chỉnh theo kết quả đánh giá lại đã được các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt theo quy định.

Các khoản lãi, lỗ phát sinh khi thanh lý, bán tài sản là chênh lệch giữa thu nhập từ thanh lý và giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

5. Nguyên tắc kế toán chi phí trả trước

Các chi phí trả trước chỉ liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh năm tài chính hiện tại thì được tính vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính.

Các chi phí phát sinh trong năm tài chính nhưng được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong nhiều năm:

- Công cụ, dụng cụ
- Lợi thế thương mại
- Những khoản chi phí khác

6. Ghi nhận các khoản phải trả thương mại và phải trả khác

Các khoản phải trả người bán, phải trả khác, khoản vay ngắn hạn, dài hạn và nợ dài hạn được trình bày trên báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ của chúng.

7. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ khi được vốn hóa theo quy định của Chuẩn mực kế toán “Chi phí đi vay” và Điều 54 - Thông tư số 200/2014/TT-BTC. Theo đó, chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

8. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Chi phí phải trả: ghi nhận các khoản chi phí ước tính cho hoạt động sản xuất kinh doanh trong kỳ nhưng thực tế chưa phát sinh việc chi trả do chưa có số liệu quyết toán chính thức với đơn vị cung cấp hàng hóa, dịch vụ.

9. Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo vốn ngân sách nhà nước cấp cho Tổng Công ty;

Lợi nhuận chưa phân phối là lợi nhuận sau thuế từ các hoạt động của Tổng Công ty sau khi trích lập các quỹ theo Điều lệ Tổng Công ty và quy định của pháp luật Việt Nam.

Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp được ghi nhận phù hợp với hướng dẫn của Nghị định 91/2015/NĐ-CP ngày 13 tháng 10 năm 2015 của Chính phủ quy định về đầu tư vốn Nhà nước và quản lý tài chính đối với doanh nghiệp và hướng dẫn của Quy chế quản lý và sử dụng Quỹ hỗ trợ sắp xếp và cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước ban hành theo Thông tư 10/2013/TT-BTC ngày 18 tháng 1 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và. Theo đó, các khoản thu của Quỹ bao gồm:

- Nguồn thu từ cổ phần hóa doanh nghiệp thuộc Tổng công ty theo quy định của pháp luật về chuyển đổi doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thành công ty cổ phần;
- Khoản lãi tiền gửi của quỹ;
- Các khoản thu khác theo quy định.

Các khoản chi của quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp bao gồm

- Hỗ trợ các doanh nghiệp thuộc Tổng công ty thực hiện sắp xếp, chuyển đổi sở hữu;
- Bổ sung vốn điều lệ cho Công ty mẹ, điều chuyển và đầu tư phát triển doanh nghiệp theo quyết định của cấp có thẩm quyền;
- Các khoản chi khác theo quy định

Quỹ đầu tư phát triển, quỹ thưởng ban điều hành, quỹ khen thưởng phúc lợi: được trích theo qui định tại Điều 31 Nghị định số 91/2015/NĐ-CP ngày 13/10/2015 và Điều 4 Thông tư số 61/2016/TT-BTC ngày 11/04/2016 hướng dẫn thu, nộp và quản lý khoản lợi nhuận, cổ tức được chia cho phần vốn Nhà nước đầu tư tại doanh nghiệp. Quỹ khen thưởng, phúc lợi đang tạm được trích lập đối với doanh nghiệp đạt loại A.

10. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng hóa: Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thoả mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm, hàng hoá hoặc dịch vụ đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hoá như người sở hữu hàng hoá hoặc quyền kiểm soát hàng hoá;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.
- Doanh thu cung cấp dịch vụ: Doanh thu cung cấp dịch vụ ghi nhận khi đồng thời thoả mãn các điều kiện sau:
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu hoạt động tài chính: Doanh thu phát sinh từ lãi tiền gửi và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thoả mãn đồng thời hai (02) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

11. Nguyên tắc ghi nhận giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán được ghi nhận khi trong kỳ kế toán có phát sinh doanh thu bán hàng (hoặc CCDV) . Ghi nhận giá vốn hàng bán phải tuân thủ nguyên tắc phù hợp, nguyên tắc nhất quán (trong việc tính giá vốn hàng bán)

12. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp Bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

13. Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng với các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, phải thu khách hàng và phải thu khác, đầu tư tài chính và các khoản ký quỹ. Nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá gốc, nợ phải trả tài chính bao gồm phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả và các khoản vay.

Đánh giá lại sau ghi nhận ban đầu

Ngoại trừ phải thu khách hàng và phải thu khác được đánh giá lại khi có khả năng giảm giá dưới hình thức dự phòng phải thu khó đòi và các khoản đầu tư tài chính được đánh giá lại khi có khả năng giảm giá dưới hình thức dự phòng giảm giá các khoản đầu tư, thì hiện tại chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Mẫu số B09- DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Ngày 6/11/2009, Bộ Tài chính ban hành Thông tư số 210/2009/TT-BTC (“Thông tư 210”) hướng dẫn áp dụng Chuẩn mực kế toán quốc tế về trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với các công cụ tài chính. Việc áp dụng Thông tư 210 sẽ yêu cầu trình bày các thông tin cũng như ảnh hưởng của việc trình bày này đối với một số công cụ tài chính nhất định trong báo cáo tài chính. Tuy nhiên cho đến nay chưa có hướng dẫn cụ thể từ Bộ Tài chính cho việc áp dụng các quy định trong Thông tư 210, do đó, Công ty chưa trình bày thuyết minh về công cụ tài chính trong Báo cáo tài chính cho giai đoạn hoạt động từ ngày 01/01/2016 đến 31/12/2016.

14. Báo cáo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một bộ phận có thể phân biệt được của Công ty tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với bộ phận kinh doanh khác trong môi trường kinh tế khác. Hiện nay, hoạt động chủ yếu của Công ty là cung cấp và lắp đặt các thiết bị phát thanh truyền hình. Do đó, việc trình bày báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là hoàn toàn không cần thiết.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một bộ phận có thể phân biệt được của Công ty tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với bộ phận kinh doanh khác trong môi trường kinh tế khác. Hoạt động sản xuất và điều hành của Công ty tập trung tại khu vực thành phố Hà Nội trong khi các hoạt động mua hàng và tiêu thụ xảy ra trong phạm vi cả nước và nước ngoài. Vì vậy, việc lập báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý là không khả thi và việc không lập báo cáo này không ảnh hưởng trọng yếu tới việc trình bày báo cáo tài chính nói chung.

15. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính của Công ty mẹ Tổng Công ty Máy và Thiết bị công nghiệp được lập trên cơ sở cộng hợp số liệu trên Báo cáo tài chính của Văn Phòng Tổng Công ty, Công ty Xây lắp Công nghiệp, Công ty Tư vấn và Dịch vụ Kỹ thuật Công nghiệp, Chi nhánh Tổng Công ty Máy và Thiết bị Công nghiệp, có loại trừ các số dư và giao dịch nội bộ theo qui định.

Ban Tổng Giám đốc nhận mạnh rằng, Tổng Công ty đang trong giai đoạn chuyển đổi từ doanh nghiệp Nhà nước sang Công ty Cổ phần, thời gian từ thời điểm xác định giá trị (30/09/2014) đến thời điểm chính thức thành Công ty Cổ phần (21/01/2017) là khá dài, do đó, việc lập Báo cáo tài chính cho chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường nhằm cung cấp thông tin và đánh giá hiệu quả hoạt động cho mỗi năm là hoạt động thông thường theo luật định. Báo cáo tài chính năm 2016 này được lập chưa bao gồm các điều chỉnh theo Hồ sơ xác định giá trị doanh nghiệp tại ngày 30/09/2014, Quyết định số 12494/QĐ-BCT ngày 16 tháng 11 năm 2015 về việc xác định giá trị Tổng Công ty Máy và Thiết bị công nghiệp thuộc Bộ Công Thương.

Mẫu số B09- DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

V. THUYẾT MINH CHI TIẾT MỘT SỐ CHỈ TIÊU TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN. (Đơn vị tính: VND)

01. Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2016	01/01/2016
Tiền mặt	376.198.266	680.579.021
- Văn Phòng Tổng Công ty	339.405.789	617.112.556
- Công ty Xây lắp Công nghiệp	6.514.583	27.045.158
- Công ty Tư vấn Đầu tư và Dịch vụ kỹ thuật công nghiệp	28.681.972	36.071.820
- Chi nhánh Tổng Công ty Máy và Thiết bị Công nghiệp	1.595.922	349.487
Tiền gửi ngân hàng	7.057.008.211	2.805.306.062
- Văn Phòng Tổng Công ty	5.739.858.838	2.764.426.231
- Công ty Xây lắp Công nghiệp	5.422.620	23.764.787
- Công ty Tư vấn Đầu tư và Dịch vụ kỹ thuật công nghiệp	1.304.760.380	9.753.607
- Chi nhánh Tổng Công ty Máy và Thiết bị Công nghiệp	6.966.373	7.361.437
Các khoản tương đương tiền	10.000.000.000	26.700.000.000
- Văn Phòng Tổng Công ty	10.000.000.000	26.700.000.000
(Tiền gửi có kỳ hạn không quá 3 tháng)		
Tổng cộng	17.433.206.477	30.185.885.083

02. Các khoản đầu tư tài chính

b) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ngắn hạn

	31/12/2016		01/01/2016	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
Tiền gửi kỳ hạn (từ 3 tháng đến 12 tháng)	42.000.000.000	42.000.000.000	-	-
Tổng cộng	42.000.000.000	42.000.000.000	-	-

d) Đầu tư vào công ty con

	Cuối năm			Đầu năm		
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng
Công ty TNHH MTV cơ khí Duyên Hải	125.778.000.000	125.778.000.000		128.098.179.718	128.098.179.718	
Công ty TNHH MTV cơ khí Hà Nội	52.684.560.000	52.684.560.000		52.684.560.000	52.684.560.000	
Công ty TNHH MTV cơ khí Quang Trung	12.251.990.000	12.251.990.000		12.251.990.000	12.251.990.000	
Công ty TNHH MTV XNK sản phẩm cơ khí	34.897.000.000	34.897.000.000		34.897.000.000	34.897.000.000	
Công ty TNHH MTV XNK thiết bị toàn bộ	32.827.756.632	32.827.756.632	(5.193.640.000)	32.827.756.632	32.827.756.632	
Công ty CP Dụng cụ số 1	3.150.600.000	3.150.600.000		3.150.600.000	3.150.600.000	
Công ty CP cơ khí Cửu Long	3.123.900.000	3.123.900.000		3.123.900.000	3.123.900.000	
Tổng cộng	264.713.806.632	264.713.806.632	(5.193.640.000)	267.033.986.350	267.033.986.350	-

Mẫu số B09- DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

e) Đầu tư vào công ty liên kết

	Cuối năm			Đầu năm		
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng
Công ty Cổ phần Đầu tư thương mại Sài Gòn- Hà Nội	1.800.000.000	1.800.000.000	-	1.800.000.000	1.800.000.000	-
Tổng cộng	1.800.000.000	1.800.000.000	-	1.800.000.000	1.800.000.000	-

f) Đầu tư vào dài hạn khác

	Cuối năm			Đầu năm		
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng
Công ty CP Cơ điện và Xây dựng	400.000.000	400.000.000		400.000.000	400.000.000	
Công ty CP Đá Mài Hải Dương	1.343.472.000	1.343.472.000		1.033.440.000	1.033.440.000	
Công ty CP cơ khí Chế tạo Hải Phòng	1.037.690.000	1.037.690.000		1.037.690.000	1.037.690.000	
Công ty CP kinh doanh thiết bị Công nghiệp	-	-		2.550.000.000	2.550.000.000	
Công ty CP Xi măng Đồng Bành	27.298.839.658	27.298.839.658	(8.593.839.658)	27.298.839.658	27.298.839.658	(4.600.000.000)
+ <i>Vốn đầu tư của Tổng Công ty Máy và Thiết bị Công nghiệp</i>	14.393.839.658	14.393.839.658		14.393.839.658	14.393.839.658	
+ <i>Vốn góp của các cổ đồng khác</i>	12.905.000.000	12.905.000.000		12.905.000.000	12.905.000.000	
Tổng cộng	30.080.001.658	30.080.001.658	(8.593.839.658)	32.319.969.658	32.319.969.658	(4.600.000.000)

Mẫu số B09- DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

03. Phải thu khách hàng

a) Phải thu ngắn hạn

	31/12/2016		01/01/2016	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Văn Phòng Tổng Công ty	205.061.465.345		140.870.897.497	
Ban Quản lý Dự án nhà máy Thủy điện Sơn La	9.051.603.919		20.451.229.919	
Ban Quản lý dự án Thủy điện 1	3.214.732.370		14.227.006.908	
Công ty Cổ phần An Thịnh	2.520.573.993		7.902.904.167	
Công ty Cổ phần Cơ khí Duyên Hải	24.555.911.594		7.098.197.392	
Công ty cổ phần Công nghiệp Hoá chất Tây Ninh	8.628.355.631		22.935.854.844	
Công ty Cổ phần Tập đoàn Bất động sản Hoàng Gia	79.401.628.984		26.866.520.410	
Công ty Cổ phần Thương mại CITICOM	25.072.714.709		-	
Công ty Cổ phần Xi măng Lạng Sơn	9.037.079.489		9.037.079.489	
Tổng công ty Cổ phần Thương mại Xây dựng	13.083.021.127		-	
Các đối tượng khác	30.495.843.529		32.352.104.368	
Công ty Xây lắp Công nghiệp	1.214.278.909	(22.593.428)	1.514.278.909	(22.593.428)
Tổng công ty Xây dựng Công Nghiệp Việt nam	232.468.000	(22.593.428)	232.468.000	(22.593.428)
Công ty TNHH SEIL ENS Việt Nam	199.754.471		199.754.471	
Chi nhánh tư vấn thiết kế & xây dựng	269.196.839		519.196.839	
Công ty CP cơ khí LICOGI 16	512.859.599		562.859.599	
Công ty Tư vấn Đầu tư và Dịch vụ kỹ thuật công	2.935.143.714		873.883.096	
Công ty TNHH NN MTV Cơ khí Hà Nội	642.571.731		642.571.731	
Công ty cổ phần xây dựng 699	61.701.500		61.701.500	
Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Kỹ thuật Minh Nguyên			169.609.865	
Công ty cổ phần Cơ khí 41 Thăng Long	2.230.870.483			
- Chi nhánh Tổng Công ty Máy và Thiết bị Công nghiệp	854.485.022		3.609.693.022	
Ban quản lý dự án 186 - Tổng cục hậu cần	145.283.000		2.905.991.000	
Công ty cổ phần Constrexim Đông Đô	146.117.022		146.117.022	
Công ty TNHH Tinh bột sắn Kon Tum	266.585.000		266.585.000	
Công ty TNHH Vi Toàn	291.000.000		291.000.000	
Thu đối tượng khác	5.500.000			
Tổng cộng	210.065.372.990	(22.593.428)	146.868.752.524	(22.593.428)

04. Phải thu nội bộ

	31/12/2016		01/01/2016	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
a) Phải thu nội bộ ngắn hạn				
Công ty TNHH NN MTV Cơ khí Hà Nội	-		20.497.647.557	
Công ty CP kinh doanh thiết bị Công nghiệp	637.500.000		637.500.000	
Tổng cộng	637.500.000	-	21.135.147.557	-

Mẫu số B09- DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

05. Phải thu về cho vay ngắn hạn

	31/12/2016		01/01/2016	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Công ty CP Xuất nhập khẩu - Đầu tư - Xây dựng Thăng Long	2.000.000.000		2.000.000.000	
Nguyễn Quyết Chiến	500.000.000		500.000.000	
Tổng cộng	2.500.000.000	-	2.500.000.000	-

06. Phải thu khác

	31/12/2016		01/01/2016	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
a) Phải thu ngắn hạn khác				
Phải thu ngắn hạn khác	12.599.787.945		12.197.412.416	
Chi phí cổ phần hóa	2.371.152.908		2.325.030.908	
Phải thu các công ty con	1.038.502.959		1.038.502.959	
+ Công ty TNHH Nhà nước một thành viên Cơ khí Quang Trung	653.272.984		653.272.984	
+ Công ty TNHH NN MTV XNK sản phẩm cơ khí	378.310.638		378.310.638	
+ Công ty TNHH MTV Cơ khí Hà Nội	6.919.337		6.919.337	
Thuế GTGT đầu vào chờ kê khai	-		34.915.733	
Phải thu về BHXH, BHYT	113.488.375		50.621.035	
Phải thu lãi vay ngắn hạn	391.250.000		179.416.600	
+ Chi nhánh Tổng Công ty Máy và Thiết bị	-		-	
+ Công ty xây lắp Công nghiệp	-		-	
+ Ông Nguyễn Quyết Chiến	208.750.000		179.416.600	
+ Công ty CP Xuất nhập khẩu Đầu tư Thăng Long	182.500.000			
Lãi tiền gửi kỳ hạn dự thu	507.780.556			
Ký quỹ, ký cược	-			
Phải thu khác	8.177.613.147		8.568.925.181	
+ Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Đầu tư Thăng Long	7.585.000.000		7.585.000.000	
+ Đối tượng khác	592.613.147		983.925.181	
Tạm ứng	8.475.732.277		9.349.952.174	
Tổng cộng	21.075.520.222	-	21.547.364.590	-

Mẫu số B09- DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

07. Tài sản thiếu chờ xử lý

	31/12/2016	01/01/2016
Tài sản khác	-	30.539.985
Tổng cộng	-	30.539.985

08. Hàng tồn kho

	31/12/2016		01/01/2016	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	47.315.582.169	-	56.833.272.028	-
Hàng hóa	23.030.650.390	(1.831.071.387)	32.926.926.600	(1.831.071.387)
Tổng cộng	70.346.232.559	(1.831.071.387)	89.760.198.628	(1.831.071.387)

09. Tăng giảm tài sản cố định hữu hình

Khoản mục	Nhà cửa	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị quản lý	Cộng
Nguyên giá					
<i>Dư đầu năm</i>	40.114.026.495	175.639.500	3.664.070.503	128.326.454	44.082.062.952
<i>Tăng trong năm</i>	-	-	1.209.629.091	169.004.546	1.378.633.637
- Mua trong năm	-	-	1.209.629.091	169.004.546	1.378.633.637
- XDCB hoàn thành	-	-	-	-	-
- Mua lại từ thuê tài chính	-	-	-	-	-
<i>Giảm trong năm</i>	-	-	818.535.454	-	818.535.454
- Chuyển sang BĐS đầu tư	-	-	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	818.535.454	-	818.535.454
<i>Dư cuối năm</i>	40.114.026.495	175.639.500	4.055.164.140	297.331.000	44.642.161.135
Giá trị hao mòn lũy kế					
<i>Dư đầu năm</i>	3.068.868.278	84.955.146	2.866.744.985	78.681.429	6.099.249.838
<i>Tăng trong năm</i>	1.591.154.412	25.117.440	157.425.143	46.718.100	1.820.415.095
- Khấu hao trong năm	1.591.154.412	25.117.440	157.425.143	46.718.100	1.820.415.095
- Mua lại từ thuê tài chính	-	-	-	-	-
<i>Giảm trong năm</i>	-	-	720.630.000	83.245.454	803.875.454
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	720.630.000	83.245.454	803.875.454
<i>Dư cuối năm</i>	4.660.022.690	110.072.586	2.303.540.128	42.154.075	7.115.789.479
Giá trị còn lại					
<i>Đầu năm</i>	37.045.158.217	90.684.354	797.325.518	49.645.025	37.982.813.114
<i>Cuối năm</i>	35.454.003.805	65.566.914	1.751.624.012	255.176.925	37.526.371.656

Mẫu số B09- DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

10. Tăng giảm tài sản vô hình

Khoản mục	Quyền sử dụng đất	Bản quyền, bằng sáng chế	Nhãn hiệu hàng hóa	Phần mềm vi tính	Cộng
Nguyên giá					
<i>Dư đầu năm</i>	-	-	-	-	-
<i>Tăng trong năm</i>	-	-	-	100.000.000	100.000.000
- Mua trong năm	-	-	-	100.000.000	100.000.000
<i>Giảm trong năm</i>	-	-	-	-	-
<i>Dư cuối năm</i>	-	-	-	100.000.000	100.000.000
Giá trị hao mòn lũy kế					
<i>Dư đầu năm</i>	-	-	-	-	-
<i>Tăng trong năm</i>	-	-	-	3.548.388	3.548.388
- Khấu hao trong năm	-	-	-	3.548.388	3.548.388
<i>Giảm trong năm</i>	-	-	-	-	-
<i>Dư cuối năm</i>	-	-	-	3.548.388	3.548.388
Giá trị còn lại					
<i>Đầu năm</i>	-	-	-	-	-
<i>Cuối năm</i>	-	-	-	96.451.612	96.451.612

11. Chi phí trả trước

	31/12/2016	01/01/2016
a) Chi phí trả trước ngắn hạn		
b) Dài hạn	616.479.893	216.177.576
- Chi phí công cụ, dụng cụ	337.972.444	124.177.576
- Phí bảo lãnh dự thầu	22.398.105	92.000.000
- Phí bảo lãnh ngân hàng	256.109.344	
Cộng	616.479.893	216.177.576

Mẫu số B09- DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

12. Phải trả người bán

	31/12/2016		01/01/2016	
	Giá trị	Khả năng trả nợ	Giá trị	Khả năng trả nợ
a) Các khoản phải trả người bán ngắn hạn	66.417.787.525	66.417.787.525	67.235.725.157	67.235.725.157
Văn Phòng Tổng Công ty	58.891.077.360	58.891.077.360	60.107.347.442	60.107.347.442
Các công ty Con	3.131.051.903	3.131.051.903	5.567.760.050	5.567.760.050
<i>Công ty Cổ phần Cơ khí Duyên Hải</i>	<i>1.220.941.934</i>	<i>1.220.941.934</i>	<i>4.812.019.682</i>	<i>4.812.019.682</i>
<i>Công ty TNHH Nhà nước một thành viên Cơ khí Quang Trung</i>	<i>219.003.567</i>	<i>219.003.567</i>	<i>755.740.368</i>	<i>755.740.368</i>
<i>Công ty TNHH NN MTV Cơ khí Hà Nội</i>	<i>1.691.106.402</i>	<i>1.691.106.402</i>	-	-
Công ty Cổ phần Xây dựng phát triển và Đầu tư Hà Nội	1.803.936.524	1.803.936.524	-	-
Công ty CP Cơ khí 4 & Xây dựng Thăng Long	1.028.094.356	1.028.094.356	-	-
Công ty CP kết cấu thép & thiết bị nâng Việt Nam	10.965.438.000	10.965.438.000	-	-
Công ty CP thang máy và đầu tư HTC	5.111.260.000	5.111.260.000	2.348.060.000	2.348.060.000
Công ty CP Xuất nhập khẩu - Đầu tư - Xây dựng Thăng Long	7.340.000.000	7.340.000.000	7.340.000.000	7.340.000.000
Công ty TNHH Dịch vụ xây lắp Bảo Diệp	-	-	1.110.214.720	1.110.214.720
Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Tam Long	2.963.840.000	2.963.840.000	-	-
Công ty TNHH Thương mại và Cơ khí Trang Đạt	-	-	4.769.286.588	4.769.286.588
Tổng Công ty CP Xây dựng công nghiệp Việt Nam	805.546.351	805.546.351	1.834.803.317	1.834.803.317
Viện Nghiên cứu Cơ khí	1.943.249.172	1.943.249.172	4.061.676.009	4.061.676.009
Công ty Cổ phần Cơ khí Công Minh	457.545.000	457.545.000	2.745.270.000	2.745.270.000
Phòng thí nghiệm trọng điểm CN Lọc hóa dầu	1.018.758.000	1.018.758.000	-	-
Guilin gGuiye Industrial Co., Ltd	9.937.425.064	9.937.425.064	9.810.944.780	9.810.944.780
Linyi Huihang machinery Co.,Ltd	1.933.952.066	1.933.952.066	6.089.719.314	6.089.719.314
Đối tượng khác	9.232.086.154	9.232.086.154	13.210.717.894	13.210.717.894
Công ty Xây lắp Công nghiệp	115.000.000	115.000.000	115.000.000	115.000.000
Công ty CP Đầu tư xây lắp Nguyên Vũ	30.000.000	30.000.000	30.000.000	30.000.000
Hợp tác xã vận tải và thi công cơ giới số 6	80.000.000	80.000.000	80.000.000	80.000.000
Công ty CP LICONS Việt Nam	5.000.000	5.000.000	5.000.000	5.000.000
Công ty Tư vấn Đầu tư và Dịch vụ kỹ thuật công nghiệp	914.997.787	914.997.787	914.997.787	914.997.787
<i>Công ty TNHH NN MTV Cơ khí Hà Nội</i>	<i>389.182.847</i>	<i>389.182.847</i>	<i>389.182.847</i>	<i>389.182.847</i>
Công ty Nam Sơn	100.000.000	100.000.000	100.000.000	100.000.000
Công ty TNHH thiết bị thủy lực Yến Linh	200.000.000	200.000.000	200.000.000	200.000.000
Các đối tượng khác	225.814.940	225.814.940	225.814.940	225.814.940
Chi nhánh Tổng Công ty Máy và Thiết bị Công nghiệp	6.496.712.378	6.496.712.378	6.098.379.928	6.098.379.928
Công ty TNHH Thép không gỉ Đại Tín	430.471.256	430.471.256	-	-
Nagaoka	904.610.570	904.610.570	904.610.570	904.610.570
Công ty TNHH Kinh doanh Nam Long	1.014.896.718	1.014.896.718	-	-
CN Công ty TNHH TM&DV Kỹ thuật Nam Phát	908.660.816	908.660.816	-	-
Các đối tượng khác	3.238.073.018	3.238.073.018	5.193.769.358	5.193.769.358
Tổng cộng	66.417.787.525	66.417.787.525	67.235.725.157	67.235.725.157

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

13. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

a) Phải thu

	Đầu năm	Đã nộp	Phải nộp	Cuối năm
Thuế TNDN	71.750.290	-	71.750.290	-
Tổng cộng	71.750.290	-	71.750.290	-

b) Phải trả

	Đầu năm	Phải nộp	Đã nộp	Cuối năm
Thuế giá trị gia tăng	501.537.882	6.894.117.153	6.946.052.541	449.602.494
+ Thuế VAT đầu ra	501.537.882	3.504.487.237	3.556.422.625	449.602.494
+ Thuế GTGT hàng nhập khẩu		3.389.629.916	3.389.629.916	-
Thuế tiêu thụ đặc biệt				-
Thuế xuất, nhập khẩu		55.824.664	55.824.664	-
Thuế TNDN	9.904.986	689.083.346	229.787.098	469.201.234
Thuế TNCN	71.363.491	245.408.393	276.734.071	40.037.813
Thuế tài nguyên	-			-
Thuế nhà đất và tiền thuê đất	-	460.705.727	460.705.727	-
Các loại thuế khác	-	8.000.000	8.000.000	-
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác (*)	6.468.121.324	(624.383.144)	5.843.738.180	-
Tổng cộng	7.050.927.683	7.728.756.139	13.820.842.281	958.841.541

(*) Điều chỉnh phần Lợi nhuận còn lại Công ty mẹ nộp NSNN năm 2014 theo QĐ số 56/QĐ-HĐTV ngày 26/01/2016

14. Chi phí phải trả

	31/12/2016	01/01/2016
a) Ngắn hạn	-	-
Lãi vay phải trả	4.057.625.001	3.804.092.865
Trích trước phí bảo lãnh tạm ứng và thực hiện hợp đồng	253.385.371	84.420.000
Phí thuê văn phòng	-	25.723.636
b) Dài hạn	-	-
Cộng	4.311.010.372	3.914.236.501

Mẫu số B09- DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

15. Doanh thu chưa thực hiện

a) Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn

	31/12/2016	01/01/2016
Doanh thu cho thuê văn phòng (Văn phòng Tổng Công ty)	653.181.818	229.090.909
Tổng cộng	653.181.818	229.090.909

16. Phải trả khác

	31/12/2016	01/01/2016
a) Phải trả ngắn hạn	20.608.210.405	23.992.599.338
Thu của các cổ đông góp vốn vào Công ty Cổ phần Xi Măng Đồng Bành	12.905.000.000	12.905.000.000
Phải trả về cổ phần hóa	4.219.988.040	-
Kinh phí công đoàn	44.796.162	48.166.070
Bảo hiểm xã hội	815.954.892	361.969.200
Bảo hiểm y tế	32.790.857	6.814.446
Bảo hiểm thất nghiệp	-	6.142.305
Lãi vay phải trả Công ty Cổ phần Xây lắp Điện I	12.061.480	-
Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	672.000.000	-
Phải trả phải nộp khác	1.905.618.974	10.664.507.317
+ Công ty CP Cơ khí duyên hải	1.286.997.062	1.438.800.000
+ Các đối tượng khác	618.621.912	9.225.707.317
b) Dài hạn (chi tiết từng khoản mục)		
Cộng	20.608.210.405	23.992.599.338

17. Vay và nợ thuê tài chính

	31/12/2016		01/01/2016	
	Giá trị	Khả năng trả nợ	Giá trị	Khả năng trả nợ
a) Vay ngắn hạn (VND)				
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển (BIDV)	8.015.223.677	8.015.223.677	3.150.468.185	3.150.468.185
b) Nợ dài hạn đến hạn trả				
Tổng Công ty Bia rượu và Nước giải khát Sài Gòn	4.000.000.000	4.000.000.000	4.000.000.000	4.000.000.000
c) Vay cá nhân				
Cán bộ CNV Tổng Công ty	670.000.000	670.000.000	1.158.736.962	1.158.736.962
Tổng cộng	12.685.223.677	12.685.223.677	8.309.205.147	8.309.205.147

**TỔNG CÔNG TY MÁY VÀ THIẾT BỊ CÔNG NGHIỆP
CÔNG TY MẸ**

Địa chỉ: Số 7 – Mạc Thị Bưởi – Hai Bà Trưng - Hà Nội

Báo cáo tài chính cho giai đoạn hoạt động
từ ngày 01/01/2016 đến 31/12/2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Mẫu số B09- DN

18. Vốn chủ sở hữu"

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

Chỉ tiêu	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	Tổng cộng
Số dư ngày 01/01/2015	492.487.101.144		11.858.800.454	3.834.096.670	718.507.379	1.759.751.115	510.658.256.762
- Tăng vốn năm trước		167.394.336			-		167.394.336
- Tăng khác					-		
- Trích Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	-		173.929.303		-		173.929.303
- Trích quỹ							
- Lợi nhuận trong năm					1.892.170.837		1.892.170.837
- Trích quỹ khen thưởng phúc lợi					(2.148.026.707)		(2.148.026.707)
- Giảm khác		(167.394.336)			(814.422)		
Số dư ngày 31/12/2015	492.487.101.144	-	11.858.800.454	4.008.025.973	461.837.087	1.759.751.115	510.575.515.773
Số dư ngày 01/01/2016	492.487.101.144		11.858.800.454	4.008.025.973	461.837.087	1.759.751.115	510.575.515.773
- Tăng vốn năm nay		158.584.770					158.584.770
- Lãi năm nay	-				3.489.902.705		3.489.902.705
- Tăng khác (*)			151.802.938		24.756.192		176.559.130
- Giảm vốn trong năm nay (**)	(2.320.179.718)				-		(2.320.179.718)
năm 2015 (***)					137.526.125		137.526.125
- Điều chỉnh khoản tại thời điểm Quý IV Quý I năm 2015							
SXDN từ 01/10/2014 - 31/12/2015 do đã được phê duyệt tăng vốn nhà nước khi XDGTĐN đề CPH				(225.082.179)	225.082.179		-
- Tạm phân phối lợi nhuận năm 2016	-		1.081.885.791		(3.489.902.706)		(2.408.016.915)
- Giảm khác	-	(158.584.770)					(158.584.770)
Số dư ngày 31/12/2016	490.166.921.426		12.940.686.245	3.934.746.732	849.201.582	1.759.751.115	509.651.307.100

(*) Kết chuyển tiền nộp quỹ hỗ trợ sắp xếp DN tại công ty TNHH Nhà nước MTV cơ khí Duyên Hải theo biên bản thẩm định báo cáo ngày 13/12/2016

(**) Tạm điều chỉnh giảm vốn góp tại công ty TNHH Nhà nước MTV cơ khí Duyên Hải theo biên bản thẩm định báo cáo ngày 13/12/2016

(***) Theo Quyết định số 56/QĐ-HĐTV ngày 26/01/2016 và Quyết định số 760/QĐ-HĐTV ngày 31/08/2016

Mẫu số B09- DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

18. Vốn chủ sở hữu (tiếp theo)

b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	31/12/2016	01/01/2016
Vốn Nhà nước	490.166.921.426	492.487.101.144
Cộng	490.166.921.426	492.487.101.144

c) Các giao dịch về vốn

	Năm nay	Năm trước
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
Vốn góp đầu năm	492.487.101.144	492.487.101.144
Vốn góp tăng trong năm	-	-
Vốn góp giảm trong năm	2.320.179.718	-
Vốn góp cuối năm	490.166.921.426	492.487.101.144

e) Các quỹ của doanh nghiệp

	Năm nay	Năm trước
- Quỹ đầu tư phát triển	12.940.686.245	11.858.800.454
- Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	3.934.746.732	4.008.025.973
- Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu		

VI. THUYẾT MINH CHI TIẾT MỘT SỐ CHỈ TIÊU TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH. (Đơn vị tính: VND)

01. Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm nay	Năm trước
Doanh thu bán hàng	156.934.165.183	114.217.315.870
Doanh thu cung cấp dịch vụ	3.398.583.899	2.572.697.517
Doanh thu hợp đồng xây lắp	202.563.187.153	398.047.401.212
Doanh thu khác		636.693.726
Tổng cộng	362.895.936.235	515.474.108.325

02. Giá vốn hàng bán

	Năm nay	Năm trước
Giá vốn của hàng hóa đã bán	154.174.937.060	102.960.770.129
Giá vốn hợp đồng xây dựng	176.832.573.907	381.895.413.219
Giá vốn của dịch vụ cung cấp	51.517.876	
Tổng cộng	331.059.028.843	484.856.183.348

Mẫu số B09- DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

03. Doanh thu hoạt động tài chính

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lãi tiền gửi ngân hàng	1.981.689.066	1.619.945.066
Lãi cho vay	274.350.462	1.457.633.593
Lãi chuyển nhượng vốn		850.000.000
Cổ tức, lợi nhuận được chia	726.191.000	460.659.500
Lãi chênh lệch tỷ giá đã	38.566.424	
Tổng cộng	<u>3.020.796.952</u>	<u>4.388.238.159</u>

04. Chi phí tài chính

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lãi tiền vay	497.799.309	1.354.650.708
Lỗ chênh lệch tỷ giá	166.230.891	892.544.667
Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư tài chính	9.187.479.658	182.604.289
Tổng cộng	<u>9.851.509.858</u>	<u>2.429.799.664</u>

05. Thu nhập khác

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Nhượng bán, thanh lý TSCĐ	234.545.455	1.818.182
Doanh thu bán phần vốn tại EBARA Hải Dương	2.227.000.000	
Thu tiền phạt tiến độ hợp đồng	45.504.000	179.920.000
Thu tiền phạt không thực hiện hợp đồng		224.405.220
Khác	91.775.622	86.899.371
Tổng cộng	<u>2.598.825.077</u>	<u>493.042.773</u>

06. Chi phí khác

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Phạt chậm nộp thuế	7.187.420	382.358.172
Phạt chậm nộp bảo hiểm	12.173.153	
Các khoản khác	204.594.424	1.170.606.160
Tổng cộng	<u>223.954.997</u>	<u>1.552.964.332</u>

Mẫu số B09- DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

01. Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm

Ngày 20 tháng 01 năm 2017, Tổng Công ty đã được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần bởi Sở kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp. Tổng Công ty sẽ hoạt động dưới hình thức Công ty cổ phần với mức Vốn Điều lệ là 1.419.915.000.000 đồng bắt đầu từ ngày 20/01/2017.

Ngày 16 tháng 1 năm 2017, Tổng Công ty đã tiến hành họp Đại Hội Đồng cổ đông lần thứ nhất. Cuộc họp đã thông qua Điều lệ Tổ chức và hoạt động của Tổng Công ty, Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2017-2019, Kế hoạch chi trả thù lao cho Hội đồng Quản trị và Ban kiểm soát năm 2017, giao quyền lựa chọn đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2017 và Kết quả bầu cử và danh sách trúng cử Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát của Tổng Công ty nhiệm kỳ 2017-2021.

02. Thông tin về các bên liên quan

a) Bên liên quan

Các công ty con, công ty liên kết của Tổng Công ty được coi là Bên liên quan.

Tên Công ty	Mối quan hệ	Tỷ lệ sở hữu
Công ty TNHH MTV Cơ khí Hà Nội	Công ty con	100%
Công ty TNHH MTV Cơ khí Quang Trung	Công ty con	100%
Công ty TNHH MTV Xuất Nhập khẩu sản phẩm cơ khí	Công ty con	100%
Công ty TNHH MTV Xuất Nhập khẩu thiết bị toàn bộ và kỹ thuật	Công ty con	100%
Công ty Cổ phần Cơ khí Duyên Hải	Công ty con	98,18%
Công ty Cổ phần Cơ khí Cửu Long	Công ty con	78,89%
Công ty Cổ phần Dụng cụ số 1	Công ty con	51%
Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Sài Gòn - Hà Nội	Công ty liên kết	20%

b) Giao dịch với Bên liên quan

Tên Công ty	Giao dịch	Số tiền
Công ty TNHH MTV Cơ khí Hà Nội	Bán hàng hóa	2.502.004.800
Công ty Cổ phần Cơ khí Duyên Hải	Bán hàng hóa	30.511.536.977
Công ty TNHH MTV Cơ khí Hà Nội	Mua hàng hóa	5.328.192.220
Công ty TNHH MTV Cơ khí Quang Trung	Mua hàng hóa	318.220.773
Công ty Cổ phần Cơ khí Duyên Hải	Mua hàng hóa	25.968.235.494

Mẫu số B09- DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

c) Số dư với các Bên liên quan

Tên Công ty	Nội dung số dư	Số dư tại 31/12/2016
Công ty TNHH MTV Cơ khí Hà Nội	Phải thu ngắn hạn của khách hàng - TK131	1.747.779.050
Công ty TNHH MTV Cơ khí Hà Nội	Phải thu ngắn hạn khác-TK1388	6.919.337
Công ty TNHH MTV Cơ khí Hà Nội	Phải trả người bán ngắn hạn-Dur Có TK331	389.182.847
Công ty TNHH MTV Cơ khí Hà Nội	Người mua trả tiền trước-Dur Nợ TK 331	595.420.746
Công ty Cổ phần Cơ khí Duyên Hải	Phải thu ngắn hạn của khách hàng - TK131	24.555.911.595
Công ty Cổ phần Cơ khí Duyên Hải	Phải trả khác - TK 338	1.286.997.062
Công ty TNHH MTV Cơ khí Quang Trung	Phải trả người bán ngắn hạn-TK331	219.003.567
Công ty TNHH MTV Cơ khí Quang Trung	Phải thu ngắn hạn khác-TK1388	653.272.984
Công ty TNHH MTV Xuất Nhập khẩu sản phẩm cơ khí	Phải thu ngắn hạn khác-TK1388	378.310.638

03. Thông tin so sánh

Thông tin so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính năm 2015 được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán Định giá và Tư vấn tài chính Việt Nam với ý kiến kiểm toán ngoại trừ, có điều chỉnh 02 khoản mục để phù hợp với Thông tư 200/2014/TT-BTC và một số nội dung cụ thể như sau:

Khoản mục	Mã số	Số trước điều chỉnh	Số sau điều chỉnh	Chênh lệch
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo	123	2.500.000.000	-	(2.500.000.000)
Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	-	2.500.000.000	2.500.000.000
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước (*)	313	7.050.113.261	7.050.927.683	814.422
Lợi nhuận chưa phân phối (*)	421	462.651.509	461.837.087	(814.422)

(*): Điều chỉnh số đầu kỳ của chi nhánh Miền Nam số thuế TNDN phải nộp các năm trước.

04. Thông tin về hoạt động liên tục

Trong năm tài chính 2016, không có sự kiện nào ảnh hưởng đến khả năng hoạt động liên tục của Tổng Công ty. Do đó, Báo cáo tài chính năm 2016 được lập trên cơ sở giả định Tổng Công ty hoạt động liên tục.

05. Một số chỉ tiêu tài chính

Các hệ số thông thường sử dụng	Công thức áp dụng	Năm 2016	Năm 2015	Biến động		Ghi chú
				VND	%	
Hệ số thanh toán						
Hệ số thanh toán hiện hành	TS ngắn hạn/Nợ ngắn hạn	1,98	2,08	-10%	-5%	[1]
Hệ số thanh toán nhanh	(TS ngắn hạn - HTK)/ Nợ ngắn hạn	1,62	1,54	9%	6%	
Hệ số thanh toán bằng tiền	Tiền/ Nợ ngắn hạn	0,09	0,18	-9%	-51%	

Mẫu số B09- DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Hệ số đo lường hiệu quả hoạt động						
Số ngày vòng quay các khoản phải thu	(Phải thu KH trung bình/Doanh thu) x 365	180	90	89,50	99,45%	[2]
Số ngày vòng quay hàng tồn kho	(HTK trung bình/Giá vốn hàng bán) x 365	88,26	76,21	12,05	15,81%	
Vòng quay vốn lưu động	Doanh thu/ (TS ngắn hạn - Nợ NH)	1,92	2,93	-1,01	-34,36%	

Hệ số khả năng sinh lời						
Tỷ suất lợi nhuận gộp	Lãi gộp/ Doanh thu thuần	8,8%	5,9%	0,03	47,70%	[3]
Tỷ suất lợi nhuận thuần	Lợi nhuận sau thuế/ Doanh thu thuần	1,0%	0,4%	0,01	161,99%	
Doanh thu trên tổng tài sản	Doanh thu thuần/ Tổng tài sản	51,7%	76,5%	-0,25	-32,42%	
Tỷ suất sinh lời trên tài sản	(LN trước thuế + chi phí lãi vay)/ tài sản	0,7%	0,6%	0,00	12,73%	

Hệ số nợ						
Nợ dài hạn trên vốn chủ sở hữu	Nợ dài hạn/ Vốn CSH	0,000	0,000			
Tổng nợ trên vốn chủ sở hữu	Nợ phải trả/ Vốn CSH	0,378	0,320			
Nợ dài hạn trên tổng tài sản	Nợ dài hạn/ Tổng TS	0,000	0,000			
Tổng nợ trên tổng tài sản	Nợ phải trả/ Tổng TS	0,274	0,242			

Hà Nội, ngày 27 tháng 02 năm 2017

Kế toán trưởng



Trần Thị Thu Trang

Tổng Giám đốc



Nguyễn Khắc Hải